



Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.

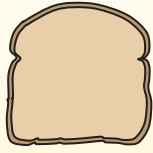
Câu trả lời

Onza (oz)

Libra (lb)

Una onza es aproximadamente el peso de una rebanada de pan.

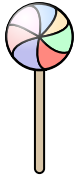
Uma libra é mais ou menos o peso de uma lata de vegetais.



Recordar:
Hay 16 onzas en 1 libra.

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____
5. _____
6. _____
7. _____
8. _____
9. _____

1)



Kẹo mút

- A. 44 pounds
- B. 7 ounces
- C. 0.7 ounces
- D. 10 pounds

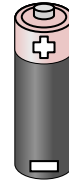
2)



Xe đạp

- A. 30 pounds
- B. 220 pounds
- C. 4 ounces
- D. 0.53 ounces

3)



Ắc quy

- A. 20 pounds
- B. 100 pounds
- C. 10 ounces
- D. 0.5 ounces

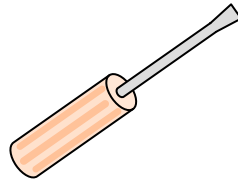
4)



Tủ đựng hồ sơ

- A. 11 ounces
- B. 160 ounces
- C. 2 pounds
- D. 120 pounds

5)



Cái vặn vít

- A. 15 ounces
- B. 2 ounces
- C. 29 pounds
- D. 0.1 ounces

6)



Keo dán

- A. 15 ounces
- B. 2 pounds
- C. 2.2 ounces
- D. 1 pound

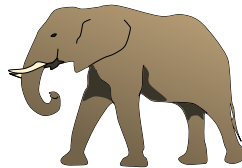
7)



Ghế tựa

- A. 70 pounds
- B. 3 ounces
- C. 2 pounds
- D. 5 ounces

8)



Con voi

- A. 11000 pounds
- B. 4000 ounces
- C. 15 ounces
- D. 300 pounds

9)



Điện thoại

- A. 10 pounds
- B. 1 pound
- C. 0.2 ounces
- D. 5 pounds



Xác định chữ cái nào thể hiện tốt nhất trọng lượng.

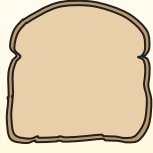
Câu trả lời

Onza (oz)

Libra (lb)

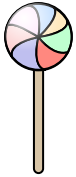
Una onza es aproximadamente el peso de una rebanada de pan.

Uma libra é mais ou menos o peso de uma lata de vegetais.



Recordar:
Hay 16 onzas en 1 libra.

1)



Kẹo mút

- A. 44 pounds
- B. 7 ounces
- C. 0.7 ounces
- D. 10 pounds

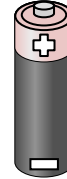
2)



Xe đạp

- A. 30 pounds
- B. 220 pounds
- C. 4 ounces
- D. 0.53 ounces

3)



Ắc quy

- A. 20 pounds
- B. 100 pounds
- C. 10 ounces
- D. 0.5 ounces

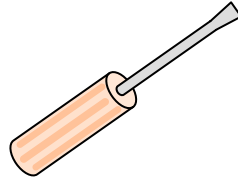
4)



Tủ đựng hồ sơ

- A. 11 ounces
- B. 160 ounces
- C. 2 pounds
- D. 120 pounds

5)



Cái vặn vít

- A. 15 ounces
- B. 2 ounces
- C. 29 pounds
- D. 0.1 ounces

6)



Keo dán

- A. 15 ounces
- B. 2 pounds
- C. 2.2 ounces
- D. 1 pound

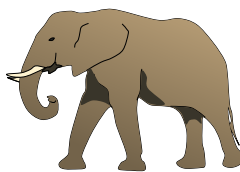
7)



Ghế tựa

- A. 70 pounds
- B. 3 ounces
- C. 2 pounds
- D. 5 ounces

8)



Con voi

- A. 11000 pounds
- B. 4000 ounces
- C. 15 ounces
- D. 300 pounds

9)



Điện thoại

- A. 10 pounds
- B. 1 pound
- C. 0.2 ounces
- D. 5 pounds

- 1. **C**
- 2. **A**
- 3. **D**
- 4. **D**
- 5. **B**
- 6. **C**
- 7. **A**
- 8. **A**
- 9. **B**